

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-ST  
Ngày: 11-4-2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Trúc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Thạch Phới;
- Bà Trần Thị Thúy Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quốc Hi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2024/TLST-DS ngày 22/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 13/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ: Số B, phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc A.

Người đại diện theo uỷ quyền cho A: Ông Từ Bá T - Giám đốc A Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản uỷ quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 do Tổng Giám đốc A uỷ quyền.

Người đại diện theo uỷ quyền ông Từ Bá T là ông Lâm Tuấn K - Phó Giám đốc ngân hàng N (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Khóm E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Út C, sinh năm: 1977 (*vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Cao Hồng T1, sinh năm: 1982 (*vắng mặt*).

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2003 (*vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Tuấn K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/11/2021, ông Nguyễn Văn Út C và ông Nguyễn Văn Út C đại diện theo ủy quyền của bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H có ký với Ngân hàng N (A) Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh Hợp đồng tín dụng số: 7403LAV202103786 với số tiền: 200.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 36 tháng, phương thức cho vay: Hạn mức qui mô nhỏ.*

Ngày 7/3/2023, Ông Nguyễn Văn Út C có nhận nợ 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay tại thời điểm vay vốn: 11.5%/năm; lãi suất quá hạn là 17.25%/năm, hạn trả nợ ngày 7/3/2024 trả gốc 200.000.000 + lãi; mục đích sử dụng vốn: Chăn nuôi, trồng trọt, mua sắm vật dụng sinh hoạt.

Tổng số nợ gốc và lãi ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H đã trả cho Ngân hàng N (A) Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh đến ngày 11/3/2025 là: 0 đồng.

Như vậy, tổng số nợ mà ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng N (A) Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh đến ngày 11/4/2025 là: Gốc 200.000.000 đồng, tổng số lãi tính đến ngày 11/4/2025 là: 63.461.701 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 263.461.701 đồng.

Khi vay, ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H có nộp kèm theo phương án sử dụng vốn các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DB 121369, các thửa 496, tờ bản đồ số 19, đất trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Văn Út C đứng tên trên giấy chứng nhận được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày: 9/6/2021.

Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian nhiều lần làm việc, yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng N (A) yêu cầu Toà án nhân dân huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh xem xét buộc ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến 11/4/2025 là: 263.461.701 đồng, trong đó vốn gốc là: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 48.331.507 đồng, lãi quá hạn là: 12.602.740 đồng, lãi chậm trả là: 2.527.454 đồng và tiền lãi phát sinh từ

ngày 12/4/2025 đến ngày ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H trả hết nợ cho Ngân hàng N (A) theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2024, ông Nguyễn Văn Út C có lời khai như sau:* Ông thừa nhận ngày 22/11/2021, bản thân ông và ông có đại diện theo ủy quyền của bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H có ký với Ngân hàng N (A) Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh Hợp đồng tín dụng số: 7403LAV202103786 với số tiền: 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, mục đích để chăn nuôi, trồng trọt, mua sắm vật dụng sinh hoạt. Khi vay, ông, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H có nộp kèm theo phương án sử dụng vốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DB 121369, các thửa 496, tờ bản đồ số 19, đất trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Văn Út C đứng tên trên giấy chứng nhận được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09/6/2021.

Tuy nhiên, do từ khi vay đến nay ông bà chưa có trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng hạn trong hợp đồng, đến nay ông C, bà T1, bà H còn nợ lại Ngân hàng tính đến 11/4/2025 là: 263.461.701 đồng, trong đó vốn gốc là: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 48.331.507 đồng, lãi quá hạn là: 12.602.740 đồng, lãi chậm trả là: 2.527.454 đồng. Nay ông đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến 11/4/2025 là: 263.461.701 đồng, trong đó vốn gốc là: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 48.331.507 đồng, lãi quá hạn là: 12.602.740 đồng, lãi chậm trả là: 2.527.454 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/4/2025 đến khi ông C, bà T1 và bà H trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do bận công việc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

*Bà Nguyễn Thị Thu H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có lời khai như sau:* Bà thừa nhận ngày 22/11/2021 bà có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Út C đứng ra vay tiền của Ngân hàng N số tiền 200.000.000 đồng, mục đích để chăn nuôi, trồng trọt, mua sắm vật dụng sinh hoạt. Khi vay, ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H có nộp kèm theo phương án sử dụng vốn các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DB 121369, các thửa 496, tờ bản đồ số 19, đất trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Văn Út C đứng tên trên giấy chứng nhận được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09/6/2021.

Từ khi vay đến nay, bà H, ông C và bà T1 chưa có trả vốn gốc và lãi gì cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền 263.461.701 đồng, trong đó vốn gốc là: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 48.331.507 đồng, lãi quá hạn là: 12.602.740 đồng, lãi chậm trả là: 2.527.454 đồng.

Bà Cao Hồng T1 vắng mặt không có lời khai.

Ý kiến của Vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan



bà Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng bà Cao Hồng T1 không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 210, 212, 218, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 64 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Chấp nhận yêu khởi kiện của Ngân hàng N (A).

Buộc ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1, bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) là 263.461.701 đồng, trong đó vốn gốc là: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 48.331.507 đồng, lãi quá hạn là: 12.602.740 đồng, lãi chậm trả là: 2.527.454 đồng và ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1, bà Nguyễn Thị Thu H phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 12/4/2025 theo lãi suất được quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là nhằm chăn nuôi, trồng trọt, mua sắm vật dụng sinh hoạt nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về dân sự vì vậy quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn Út C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng có gửi đơn xin xét xử vắng mặt lên Tòa án. Bà Cao Hồng T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do nhưng đây là lần xét xử thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà T1, bà H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 7403LAV202103786 ký ngày 22/11/2021 ký kết giữa Ngân hàng N (A) Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh với ông Nguyễn Văn Út C chính là hoàn toàn tự nguyện, tuân

thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại các Điều 116, 117, 119, 463 của Bộ luật Dân sự 2015 nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Bà Cao Hồng T1 và bà Nguyễn Thị Thu H đã ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Ú Chính được quyền thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh theo đúng quy định tại Điều 562, 565, 567 Bộ luật Dân sự 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân cho ông C số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T1, ông C, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn đã cam kết, từ khi vay cho đến nay bà T1, ông C, bà H không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà T1, ông C, bà H trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2024) là 263.461.701 đồng, trong đó vốn gốc là: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 48.331.507 đồng, lãi quá hạn là: 12.602.740 đồng, lãi chậm trả là: 2.527.454 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về mức lãi suất mà phía bị đơn ông C cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T1, bà H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N (A) được tính kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/4/2024), ông C, bà T1, bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7403LAV202103786 ký ngày 22/11/2021.

[3] Xét ý kiến của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1, bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, 463, 466, 562, 565, 567 của Bộ luật Dân sự năm 2015;



Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A).

Buộc ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1, bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Ngân hàng N (A) tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2025) là 263.461.701 đồng (*hai trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm lẻ một đồng*), trong đó vốn gốc là: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 48.331.507 đồng, lãi quá hạn là: 12.602.740 đồng, lãi chậm trả là: 2.527.454 đồng.

Kể từ ngày 12/4/2025, ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7403LAV202103786 ký ngày 22/11/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1, bà Nguyễn Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Út C, bà Cao Hồng T1, bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 13.173.085 đồng.

Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.160.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008816, ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Dương Thị Trúc Linh****HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Thạch Phới****Trần Thị Thúy Phượng****Dương Thị Trúc Linh**